

GRAMMAR

CẤU TRÚC SO SÁNH HƠN VỚI TÍNH TỪ NGẮN, ĐƠN GIẢN

Structure	Danh từ/người + động từ to be + tính từ đuôi -er + than + danh từ/người
Meaning	Mục đích mô tả <u>vật/người</u> có đặc điểm gì đó <u>hơn</u> <u>vật/người khác</u>
Simple adjective	big → bigger tall → taller quick → quicker easy → easier small → smaller fast → faster slow → slower happy → happier
Example	This box is bigger than that box. (<i>Quyển sách này to hơn quyển sách kia</i>) The car is faster than the bike. (<i>Xe ô tô nhanh hơn xe đạp</i>) This game is easier than that game. (<i>Trò chơi này đơn giản hơn trò chơi kia</i>) Tom is taller than Jack. (<i>Tom cao hơn Jack</i>)

CẤU TRÚC SO SÁNH HƠN VỚI TÍNH TỪ DÀI, PHỨC TẠP

Structure	Danh từ/người + động từ to be + more + tính từ + than + danh từ/người
Meaning	Mục đích mô tả <u>vật/người</u> có đặc điểm gì đó <u>hơn</u> <u>vật/người khác</u>
Complex adjective	difficult → more difficult boring → more boring beautiful → more beautiful famous → more famous exciting → more exciting careful → more careful
Example	This story is more interesting than that one. (<i>Câu chuyện này thú vị hơn câu chuyện kia.</i>) The test is more difficult than the quiz. (<i>Bài kiểm tra khó hơn bài trắc nghiệm.</i>) He is more famous than his brother. (<i>Anh ấy nổi tiếng hơn anh trai của anh ấy</i>)